

KẾT QUẢ KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C VÀO LÀM VIỆC
TẠI NHNN TRUNG ƯƠNG VÀ NHNN CHI NHÁNH TP. HÀ NỘI NĂM 2021

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày/ tháng/ năm sinh		Ths / Ts	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ					
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)+(8)	(10)
I	I	VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN THAM MƯU CHÍNH SÁCH - NHNN TRUNG ƯƠNG								
1	CS018	Lê Bá	Hung	13-04-1994		Ths		75	75	Trúng tuyển
2	CS012	Ninh Hương	Giang		05-01-1998			73	73	Trúng tuyển
3	CS009	Đỗ Ngọc	Duy	31-10-1998				71	71	Trúng tuyển
4	CS002	Lại Thị Huyền	Anh		07-02-1997			70	70	Trúng tuyển
5	CS045	Nguyễn Vũ Huyền	Trang		22-10-1995	Ths		69	69	Trúng tuyển
6	CS043	Nguyễn Đại	Thắng	11-09-1993				68	68	Trúng tuyển
7	CS023	Vũ Hoàng	Linh	29-03-1996		Ths		67	67	Trúng tuyển
8	CS049	Lê Quốc	Trung	8-7-1998				64	64	Trúng tuyển
9	CS011	Đặng Tiến	Đạt	13-08-1997		Ths		62	62	Trúng tuyển
10	CS042	Vũ Thị Thu	Thảo		28-08-1998			59	59	Trúng tuyển
11	CS033	Nguyễn Trung	Nam	18-02-1998				57	57	Trúng tuyển
12	CS051	Trần Xuân	Trường	02-12-1998				54	54	Trúng tuyển
13	CS013	Nguyễn Thị	Hạnh		01-8-1994	Ths		49	49	
14	CS019	Bế Thị	Hương		15-01-1998		5	44	49	
15	CS027	Vũ Hoàng Diệp	Linh		26-01-1999			49	49	
16	CS034	Trần Thị Minh	Ngọc		08-9-1998		5	44	49	
17	CS017	Tạ Ngọc	Huyền		03-03-1996	Ths		48	48	
18	CS039	Nguyễn Thị Minh	Tâm		23-07-1996	Ths		48	48	
19	CS014	Phạm Ngọc	Hằng		26-10-1998			47	47	
20	CS053	Nguyễn Thị Hải	Yến		30-08-1992	Ths		47	47	
21	CS032	Lê Hà	My		06-8-1995			46	46	
22	CS036	Nguyễn Thị Liên	Phương		25-12-1998			46	46	
23	CS005	Vũ Thị Ngọc	Ánh		29-6-1994			45	45	

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày/ tháng/ năm sinh		Ths / Ts	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ					
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)+(8)	(10)
24	CS006	Vũ Thế	Cường	13-03-1992				45	45	
25	CS010	Hoàng Tâm	Đan		10-06-1998			45	45	
26	CS026	Võ Mỹ	Linh		09-09-1997			45	45	
II	II	VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN NGHIỆP VỤ TẠI NHNN TRUNG ƯƠNG								
1	NV051	Nguyễn Cao	Cường	2-9-1996				85	85	Trúng tuyển
2	NV068	Đỗ Khánh	Duy	5-10-1998				84	84	Trúng tuyển
3	NV234	Vũ Hoàng	Linh	29-03-1996		Ths		84	84	Trúng tuyển
4	NV343	Lê Minh	Tâm	27-6-1994		Ths		82	82	Trúng tuyển
5	NV393	Tô Hồ	Thu		17-11-1996			82	82	Trúng tuyển
6	NV043	Đình Thạch	Bích		14-5-1999			81	81	Trúng tuyển
7	NV095	Tạ Thu	Hà		7-5-1998			81	81	Trúng tuyển
8	NV437	Nguyễn Ngọc	Trâm		13-06-1994	Ths		81	81	Trúng tuyển
9	NV166	Lò Mạnh	Hung	25-3-1995		Ths	5	76	81	Trúng tuyển
10	NV077	Nguyễn Duy	Đông	14-10-1999				80	80	Trúng tuyển
11	NV101	Đỗ Minh	Hạnh		8-12-1998	Ths		80	80	Trúng tuyển
12	NV117	Phùng Thị	Hằng		4-4-1994			79	79	Trúng tuyển
13	NV209	Lê Phương	Linh		22-08-1992	Ths		78	78	Trúng tuyển
14	NV298	Chu Thùy	Nhung		4-6-1998			78	78	Trúng tuyển
15	NV108	Đặng Anh	Hào	16-10-1995				77	77	Trúng tuyển
16	NV153	Đỗ Thị Thu	Huyền		20-03-1989	Ths		77	77	Trúng tuyển
17	NV172	Nguyễn Ngọc Thiên	Hương		13-12-1997			77	77	Trúng tuyển
18	NV189	Trần Thanh	Lam		11-5-1997			77	77	Trúng tuyển
19	NV233	Võ Diệu	Linh		2-1-1995			77	77	Trúng tuyển
20	NV450	Trần Khánh	Vinh		05-04-1998			77	77	Trúng tuyển
21	NV027	Phạm Hồng	Anh		15-3-1997	Ths		76	76	Trúng tuyển
22	NV181	Vũ Duy	Kỳ	16-11-1998				76	76	Trúng tuyển
23	NV405	Trần Bích	Thủy		08-09-1995	Ths		76	76	Trúng tuyển
24	NV053	Tạ Kiên	Cường	7-9-1995		Ths		75	75	Trúng tuyển
25	NV138	Phạm Quỳnh	Hoa		22-5-1998			75	75	Trúng tuyển
26	NV363	Nguyễn Lâm	Tùng	29-6-1994				75	75	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày/ tháng/ năm sinh		Ths / Ts	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ					
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)+(8)	(10)
27	NV130	Vũ Minh	Hiền		07-09-1997			74	74	Trúng tuyển
28	NV211	Mai Phương	Linh		13-08-1999			73	73	Trúng tuyển
29	NV250	Đặng Thị	Mai		12-06-1993	Ths		73	73	Trúng tuyển
30	NV220	Nguyễn Thị Diệu	Linh		24-3-1995	Ths		73	73	Trúng tuyển
31	NV062	Trần Thị Minh	Diệu		3-11-1996			73	73	Trúng tuyển
32	NV267	Hà Thị Trà	My		27-7-1994	Ths		72	72	
33	NV150	Tô Quang	Huy	22-10-1998				71	71	
34	NV118	Trần Thu	Hằng		12-08-1986	Ths		70	70	
35	NV231	Trần Phương	Linh		10-11-1998			70	70	
36	NV244	Trần Đức	Long	15-11-1995		Ths		70	70	
37	NV253	Nguyễn Ngọc	Mai		10-09-1997			70	70	
38	NV283	Đào Vân	Ngọc		07-10-1998			70	70	
39	NV299	Đặng Hồng	Nhung		22-03-1993			70	70	
40	NV373	Đặng Thị	Thảo		10-09-1987	Ths		70	70	
41	NV407	Đào Thị	Thúy		04-10-1991	Ths		70	70	
42	NV408	Nguyễn Ngọc Lệ	Thúy		30-11-1981	Ths		70	70	
43	NV428	Nguyễn Thị Thu	Trang		27-12-1988	Ths		70	70	
44	NV423	Ngô Thu	Trang		7-9-1993			70	70	
45	NV443	Trần Xuân	Trường	02-12-1998				70	70	
46	NV458	Nguyễn Thị Hoàng	Yến		16-11-1992			70	70	
47	NV094	Nguyễn Thu	Hà		13-3-1998			69	69	
48	NV110	Chữ Thu	Hằng		8-3-1996			69	69	
49	NV133	Nguyễn Đức	Hiếu	10-12-1999				69	69	
50	NV156	Lê Thị Khánh	Huyền		10-9-1997			69	69	
51	NV179	Nguyễn Nhân	Hương	23-11-1994				69	69	
52	NV222	Nguyễn Thị Thùy	Linh		15-07-1995	Ths		69	69	
53	NV237	Lê Thị	Loan		24-12-1991			69	69	
54	NV263	Nguyễn Nhật	Minh	02-01-1997				69	69	
55	NV339	Lê Ngọc Trường	Son	18-07-1995				69	69	
56	NV362	Nguyễn Hữu	Tùng	08-08-1994				69	69	

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày/ tháng/ năm sinh		Ths / Ts	Điểm ưu tiên	Điểm phông vắn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ					
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)+ (8)	(10)
57	NV368	Trịnh Đức	Thái	12-08-1990		Ths		69	69	
58	NV381	Phạm Thị Phương	Thảo		22-12-1995			69	69	
59	NV389	Vũ Tuấn	Thiên	07-12-1997				69	69	
60	NV010	Lê Hồ Ngọc	Anh		11-10-1997			68	68	
61	NV065	Nguyễn Trần Quốc	Dũng	21-11-1990				68	68	
62	NV075	Trần Thùy	Dương		20-7-1998			68	68	
63	NV149	Lê Quang	Huy	02-02-1998				68	68	
64	NV188	Hoàng Thị Thanh	Lam		9-1-1995			68	68	
65	NV191	Lý Văn	Lanh	5-10-1984		Ths	5	63	68	
66	NV256	Trương Ngọc	Mai		01-09-1999			68	68	
67	NV258	Nguyễn Thị Trà	Mây		13-8-1993			68	68	
68	NV262	Nguyễn Nguyệt	Minh		3-1-1997			68	68	
69	NV387	Phạm Việt	Thắng	05-02-1995		Ths		68	68	
70	NV388	Tổng Đình	Thắng	11-12-1997				68	68	
71	NV063	Nguyễn Bảo	Dung		8-6-1994			67	67	
72	NV105	Nguyễn Quốc	Hạnh	5-5-1990		Ths		67	67	
73	NV127	Quách Thúy	Hiền		27-06-1998			67	67	
74	NV146	Nguyễn Hữu	Hùng	23-09-1997				67	67	
75	NV176	Vương Thu	Hương		25-01-1989			67	67	
76	NV184	Phạm Phú	Khánh	30-11-1993				67	67	
77	NV192	Nguyễn Thị Hồng	Lanh		02-09-1994			67	67	
78	NV193	Nguyễn Phúc	Lâm	2/11/1994				67	67	
79	NV196	Đặng Thị	Liên		29-9-1992	Ths		67	67	
80	NV235	Vũ Hoàng Diệp	Linh		26-01-1999			67	67	
81	NV297	Nguyễn Thị	Nhuận		19-7-1990	Ths		67	67	
82	NV318	Phan Thị Linh	Phương		20-11-1993			67	67	
83	NV338	Đào Xuân	Son	16-10-1989		Ths		67	67	
84	NV440	Phan Đình	Trung	25-9-1992		Ths		67	67	
85	NV012	Lương Ngọc Vân	Anh		9-12-1990	Ths		66	66	
86	NV084	Phạm Thị	Giang		7-7-1998			66	66	

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày/ tháng/ năm sinh		Ths / Ts	Điểm ưu tiên	Điểm phông vắn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ					
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)+(8)	(10)
87	NV104	Nguyễn Lê Lam	Hạnh		20-12-1991			66	66	
88	NV141	Trần Thị Khánh	Hòa		18-09-1998			66	66	
89	NV271	Phạm Văn Kiểm	Nam	19-6-1998				66	66	
90	NV284	Đoàn Thị Ánh	Ngọc		19-09-1984	Ths		66	66	
91	NV286	Hoàng Anh	Ngọc		11-07-1992			66	66	
92	NV300	Lê Hồng	Nhung		14-09-1991	Ths		66	66	
93	NV307	Nguyễn Thị	Oanh		9-2-1996			66	66	
94	NV397	Nguyễn Thị Hà	Thùy		11-02-1998			66	66	
95	NV409	Nguyễn Thị	Thúy		12-11-1987	Ths		66	66	
96	NV426	Nguyễn Thị Ngọc	Trang		02-03-1990			66	66	
97	NV439	Trần Ngọc Phương	Trinh		27-12-1997	Ths		66	66	
98	NV445	Lê Võ Châu	Uyên		8-4-1997			66	66	
99	NV447	Ngô Hồng	Vân		16-1-1997			66	66	
100	NV011	Lê Nhật	Anh	15-10-1994		Ths	5	60	65	
101	NV045	La Văn	Công	25-6-1994				65	65	
102	NV056	Phạm Minh	Châu		26-02-1998			65	65	
103	NV115	Nguyễn Thúy	Hằng		16-12-1991	Ths		65	65	
104	NV128	Tôn Thanh	Hiền		5-9-1991	Ths		65	65	
105	NV175	Trần Thị Út	Hương		13-01-1991			65	65	
106	NV195	Trịnh Thị	Lệ		21-10-1993			65	65	
107	NV227	Nguyễn Thùy	Linh		13-11-1995			65	65	
108	NV216	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh		2-12-1994	Ths		65	65	
109	NV274	Phạm Thu	Nga		23-4-1988			65	65	
110	NV350	Hà Thị Anh	Tú		24-04-1997			65	65	
111	NV360	Đào Thanh	Tùng	1-4-1994		Ths		65	65	
112	NV372	Dương Phương	Thảo		20-9-1998			65	65	
113	NV425	Nguyễn Thị Mai	Trang		27-9-1997		5	60	65	
114	NV009	Hoàng Thị Mai	Anh		10-06-1997			64	64	
115	NV029	Phạm Việt Phương	Anh		14-9-1999			64	64	
116	NV097	Vũ Thị	Hà		15-11-1998			64	64	

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày/ tháng/ năm sinh		Ths / Ts	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ					
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)+(8)	(10)
117	NV107	Vũ Thảo	Hạnh		9-11-1995			64	64	
118	NV114	Nguyễn Thị Thúy	Hằng		8-11-1996			64	64	
119	NV123	Đoàn Cẩm	Hậu		28-2-1997			64	64	
120	NV162	Tạ Thị Thu	Huyền		10-10-1998			64	64	
121	NV218	Nguyễn Phương	Linh		14-10-1992			64	64	
122	NV205	Đỗ Thị Diệu	Linh		18-12-1990	Ths		64	64	
123	NV251	Đinh Thị Tuyết	Mai		17-11-1997			64	64	
124	NV269	Nguyễn Hà	My		18-09-1997			64	64	
125	NV332	Đỗ Thị Như	Quỳnh		20-10-1988	Ths		64	64	
126	NV417	Bùi Huyền	Trang		18-12-1995	Ths		64	64	
127	NV031	Tường Thị Vân	Anh		1-4-1991			63	63	
128	NV052	Nguyễn Vũ	Cường	18-03-1991				63	63	
129	NV087	Trần Văn	Giàu	3-2-1994			5	58	63	
130	NV144	Đinh Thị	Hồng		14-3-1991		5	58	63	
131	NV182	Hoàng Ngọc	Khải	31-8-1978		Ths		63	63	
132	NV325	Đỗ Minh	Quân	31-10-1986		Ths		63	63	
133	NV329	Nguyễn Lê Tú	Quyên		10-03-1998			63	63	
134	NV399	Lê Thị Thu	Thùy		10-9-1999			63	63	
135	NV035	Trịnh Minh	Anh		2-10-1996			62	62	
136	NV099	Nguyễn Thị Ngọc	Hải		02-07-1996			62	62	
137	NV136	Phạm Hữu	Hiệu	25-12-1995				62	62	
138	NV260	Trần Thị	Miền		10-02-1998			62	62	
139	NV302	Ngô Trang	Nhung		29-10-1989			62	62	
140	NV384	Lương Mạnh	Thắng	22-4-1995				62	62	
141	NV431	Phạm Minh	Trang		15-7-1988			62	62	
142	NV454	Bùi Thị	Xuân		27-06-1990	Ths		62	62	
143	NV457	Nguyễn Thị Hải	Yến		30-08-1992	Ths		62	62	
144	NV160	Nguyễn Thị Khánh	Huyền		19-11-1998			61	61	
145	NV190	Nguyễn Thị Phương	Lan		3-12-1997		5	56	61	
146	NV370	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh		20-2-1998			61	61	

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày/ tháng/ năm sinh		Ths / Ts	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ					
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)+(8)	(10)
147	NV096	Trần Thu	Hà		28-12-1993			60	60	
148	NV163	Trịnh Ngọc	Huyền		10-12-1992	Ths		60	60	
149	NV305	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung		001-12-1996			60	60	
150	NV333	Lê Thu	Quỳnh		05-03-1992	Ths		60	60	
151	NV064	Phạm Phương	Dung		24-5-1991	Ths		59	59	
152	NV074	Trần Thị Ánh	Dương		11-11-1992			59	59	
153	NV378	Nguyễn Thị Phương	Thảo		11-02-1985			57	57	
154	NV038	Vũ Tuấn	Anh	29-9-1990		Ths		56	56	
155	NV093	Nguyễn Thị Thu	Hà		10-2-1993	Ths		53	53	
156	NV164	Vũ Thị Thanh	Huyền		27-01-1993	Ths		52	52	
157	NV028	Phạm Thị Vân	Anh		4-10-1998			51	51	
158	NV273	Hoàng Thị	Nga		03-04-1992	Ths		51	51	
159	NV030	Tạ Phương	Anh		11-08-1984	Ths		50	50	
160	NV420	Đoàn Thảo Ngọc	Trang		10-04-1994	Ths		49	49	
161	NV152	Trần Quang	Huy	29-10-1998				49	49	
162	NV337	Nguyễn Quang	Sáng	12-01-1994				49	49	
163	NV100	Vũ Huy	Hải	29-10-1994		Ths		48	48	
164	NV330	Nguyễn Thị Thu	Quỳnh		02-12-1995			48	48	
165	NV026	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh		25-8-1995	Ths				Vắng
166	NV016	Nguyễn Đăng	Anh	22-12-1998						Vắng
167	NV404	Nguyễn Thu	Thùy		11-9-1998					Vắng
168	NV355	Quách Tô Thiên	Tú		26-9-1998					Vắng
169	NV001	Bùi Đỗ Lan	Anh		12-8-1997					Vắng
170	NV014	Ngô Thị Tú	Anh		10-2-1998					Vắng
171	NV229	Phạm Phương	Linh		5-2-1998					Vắng
172	NV371	Tạ Duy	Thành	2-10-1991		Ths				Vắng
III	III	VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN PHÁP CHẾ NGÂN HÀNG								
1	PCNH 075	Nguyễn Bá	Tuân	19-02-1997				75	75	Trúng tuyển
2	PCNH 066	Thắm Trang	Nhung		11-04-1999			74	74	Trúng tuyển
3	PCNH 101	Trần Thị Hải	Yến		27-05-1997			73	73	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày/ tháng/ năm sinh		Ths / Ts	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ					
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)+(8)	(10)
4	PCNH 043	Nguyễn Thị Quế	Lâm		10-02-1998			71	71	Trúng tuyển
5	PCNH 009	Đỗ Thị Phương	Anh		27-10-1999			70	70	
6	PCNH 035	Đặng Huy	Hoàng	18-10-1996				70	70	
7	PCNH 004	Đặng Mai	Anh		19-10-1998			69	69	
8	PCNH 025	Lê Thị Thu	Hà		23-03-1995	Ths		69	69	
9	PCNH 030	Đặng Thị	Hạnh		04-06-1997			69	69	
10	PCNH 037	Nguyễn Thị Nhật	Huệ		25-08-1997		5	64	69	
11	PCNH 092	Nguyễn Thu	Trà		23-01-1998			69	69	
12	PCNH 006	Nguyễn Lan	Anh		06-02-1999			68	68	
13	PCNH 029	Nguyễn Thị Minh	Hạnh		01-11-1998			68	68	
14	PCNH 016	Phạm Minh	Châu		24-03-1997			67	67	
15	PCNH 020	Phạm Vương Thu	Dạ		23-09-1992			66	66	
16	PCNH 018	Lê Linh	Chi		03-09-1996			65	65	
17	PCNH 022	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương		19-03-1998		5	60	65	
18	PCNH 095	Doãn Thị Thu	Trang		15-08-1997			64	64	
19	PCNH 033	Hoàng Thị Mỹ	Hoa		15-08-1995	Ths	5	57	62	
20	PCNH 083	Phan Thu	Thảo		07-08-1998			61	61	
21	PCNH 088	Hoàng Thị	Thuần		09-06-1998		5	56	61	
22	PCNH 034	Nguyễn Thị	Hoài		18-02-1998			60	60	
23	PCNH 050	Lê Thùy	Linh		22-11-1997			59	59	
24	PCNH 071	Lê Bùi Hoàng	Son	20-10-1992		Ths		58	58	
25	PCNH 078	Lê Thị Hải	Thảo		26-02-1996			58	58	
26	PCNH 046	Phan Thị Trúc	Linh		24-02-1997			57	57	
27	PCNH 080	Ngô Thị Phương	Thảo		08-05-1999			56	56	
28	PCNH 089	Nguyễn Lê	Thủy		20-8-1991	Ths		56	56	
29	PCNH 024	Đinh Hương	Giang		31-08-1997			54	54	
30	PCNH 038	Cao Thanh	Huyền		21-02-1997			54	54	
31	PCNH 041	Hoàng Ngọc	Khải	31-8-1978		Ths		54	54	
32	PCNH 052	Ngô Mai	Linh		16-10-1998			54	54	
33	PCNH 073	Nguyễn Tiến	Tiến	07-07-1996				54	54	

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày/ tháng/ năm sinh		Ths / Ts	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ					
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)+(8)	(10)
34	PCNH 074	Nguyễn Thị Ngọc	Tú		30-11-1997			54	54	
35	PCNH 072	Lê Bùi Hùng	Sơn	20-11-1998				53	53	
36	PCNH 096	Nguyễn Hà	Trang		05-05-1997			53	53	
37	PCNH 060	Trần Thị	Mai		13-09-1996			52	52	
38	PCNH 077	Nguyễn Thu	Thảo		08-03-1998			52	52	
39	PCNH 082	Nguyễn Phương	Thảo		20-02-1998			52	52	
40	PCNH 094	Lê Quỳnh	Trang		08-09-1990			52	52	
IV	IV	VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN KẾ TOÁN KIỂM TOÁN TẠI NHNN TRUNG ƯƠNG								
1	KT004	Lê Anh	Dũng	04-02-1998				81	81	Trúng tuyển
2	KT013	Mai Hồng	Nhung		22-12-1996			79	79	Trúng tuyển
3	KT011	Nguyễn Ngọc	Mai		10-09-1997			77	77	Trúng tuyển
4	KT007	Nguyễn Đăng	Hiếu	19-06-1999				76	76	
5	KT023	Nguyễn Thị Thúy	Vân		24-02-1993			75	75	
6	KT016	Ngô Văn	Quyển	02-01-1993		Ths		71	71	
7	KT012	Đào Văn	Ngọc		07-10-1998			69	69	
8	KT014	Vũ Xuân	Phương	20-06-1991		Ths		65	65	
9	KT021	La Anh	Thư		29-03-1999		5	59	64	
10	KT020	Đỗ Phương	Thảo		06-11-1995			63	63	
V	V	VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN TRUYỀN THÔNG								
1	TT002	Nguyễn Thị Thùy	Linh		20-08-1996			75	75	Trúng tuyển
2	TT001	Nguyễn Hoàng Nhật	Linh		05-10-1997			71	71	
3	TT003	Quách Thị Thanh	Nga		28-10-1984			66	66	
VI	VI	VỊ TRÍ QUẢN TRỊ MẠNG & QHTT MẠNG								
1	CNTT003	Lê Xuân	Hưng	07-10-1978		Ths		49	49	
VII	VII	VỊ TRÍ PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM, QUẢN TRỊ CSDL								
1	CNTT010	Chu Hương	Giang		24-11-1998			69	69	Trúng tuyển
2	CNTT017	Tô Hồng	Quân	10-08-1990				66	66	Trúng tuyển
3	CNTT009	Nguyễn Đức	Anh	24-11-1998				63	63	Trúng tuyển
4	CNTT013	Lê Đức	Hiếu	11-09-1986				55	55	Trúng tuyển
5	CNTT008	Hoàng Thị Vân	Anh		19-02-1982	Ths		49	49	

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày/ tháng/ năm sinh		Ths / Ts	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ					
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)+(8)	(10)
6	CNTT012	Nguyễn Phú	Hiệp	08-10-1998				48	48	
7	CNTT015	Lê Quang	Huy	17-01-1995				48	48	
8	CNTT016	Trần Thị Thanh	Hương		27-09-1982			47	47	
9	CNTT018	Bạch Văn	Tùng	19-04-1992		Ths		45	45	
VIII	VIII	VỊ TRÍ CÔNG NGHỆ PHẦN CỨNG & QTHT							0	
1	CNTT020	Nguyễn Lê Hoàng	Giang	25-08-1984		Ths		68	68	Trúng tuyển
2	CNTT023	Hoàng Trung	Khánh	18-09-1981		Ths		62	62	Trúng tuyển
3	CNTT028	Dương Quang	Trường	17-06-1989				49	49	
4	CNTT025	Phạm Thanh	Phong	23-06-1980		Ths		48	48	
5	CNTT027	Đỗ Đức	Thành	01-12-1986				47	47	
IX	IX	VỊ TRÍ ANTT& CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ								
1	CNTT031	Hoàng Mạnh	Quang	28-03-1984				69	69	Trúng tuyển
2	CNTT029	Phan Duy	Đức	06-04-1991		Ths		51	51	
3	CNTT030	Đỗ Năng	Tiến	05-02-1996				50	50	
X	X	VỊ TRÍ QUẢN TRỊ TT DỮ LIỆU								
1	CNTT032	Nguyễn Thanh	Tâm		04-11-1996			69	69	Trúng tuyển
2	CNTT033	Trần Trung	Tiến	06-11-1986				48	48	
XI	XI	VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN NGHIỆP VỤ TẠI NHNN CHI NHÁNH HÀ NỘI								
1	NV478	Nguyễn Thị Hương	Giang		05-11-1997			84	84	Trúng tuyển
2	NV491	Nguyễn Đức	Hiếu	10-12-1999				83	83	Trúng tuyển
3	NV501	Ngô Thị Thảo	Hương		28-04-1993	Ths		82	82	Trúng tuyển
4	NV524	Đào Văn	Ngọc		07-10-1998			81	81	Trúng tuyển
5	NV545	Phạm Cẩm	Tú		06-03-1996			80	80	Trúng tuyển
6	NV549	Phạm Việt	Thắng	05-02-1995		Ths		79	79	Trúng tuyển
7	NV558	Cao Thị Huyền	Trang		15-09-1992			78	78	Trúng tuyển
8	NV525	Nguyễn Bích	Ngọc		20-02-1993	Ths		77	77	Trúng tuyển
9	NV563	Lưu Quang	Trung	08-7-1997				75	75	Trúng tuyển
10	NV496	Nguyễn Thị Khánh	Huyền		19-11-1998			74	74	Trúng tuyển
11	NV471	Lại Tuấn	Dũng	01-12-1998				73	73	Trúng tuyển
12	NV482	Nguyễn Thu	Hà		13-03-1998			73	73	Trúng tuyển

12

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày/ tháng/ năm sinh		Ths / Ts	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ					
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)+(8)	(10)
13	NV540	Lê Ngọc Trường	Son	18-07-1995				73	73	Trúng tuyển
14	NV493	Nguyễn Hữu	Hùng	23-09-1997				72	72	
15	NV485	Đặng Anh	Hào	16-10-1995				71	71	
16	NV497	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		03-11-1988		5	66	71	
17	NV511	Nguyễn Thị Diệu	Linh		24-03-1995	Ths		71	71	
18	NV561	Nguyễn Thị Thu	Trang		24-06-1998			71	71	
19	NV559	Lưu Thị Thu	Trang		09-08-1997			71	71	
20	NV548	Vũ Thị Phương	Thảo		25-09-1998			70	70	
21	NV556	Nguyễn Thị	Thúy		12-11-1987	Ths		70	70	
22	NV520	Trần Thị	Miễn		10-02-1998			69	69	
23	NV529	Lương Thị Hồng	Nhung		23-09-1993			69	69	
24	NV539	Nguyễn Quang	Sáng	12-01-1994				68	68	
25	NV513	Trần Thùy	Linh		01-04-1986			67	67	
26	NV508	Bùi Mỹ	Linh		16-09-1996			65	65	
27	NV535	Lê Thu	Quỳnh		05-03-1992	Ths		61	61	
28	NV489	Nguyễn Thị	Hiền		02-05-1995	Ths		59	59	
29	NV484	Trần Thị Thúy	Hạnh		05-01-1992			50	50	
30	NV504	Vương Như	Hương		10-12-1993			50	50	
31	NV505	Nguyễn Thị Ngọc	Hường		01-11-1996			49	49	
32	NV551	Đinh Thị Bích	Thùy		20-08-1998			48	48	
33	NV518	Nguyễn Ngọc	Mai		10-09-1997					Vắng
34	NV506	Vũ Duy	Kỳ	16-11-1998						Vắng
XII	XII	VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN KẾ TOÁN KIỂM TOÁN TẠI NHNN CHI NHÁNH HÀ NỘI								
1	KT029	Nguyễn Bích	Liên		08-04-1997			75	75	Trúng tuyển
2	KT026	Nguyễn Thị Minh	Hằng		02-09-1987			49	49	

TM. HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
Đặng Văn Tuyên